

**I. Mục tiêu:****1. Năng lực****a. Năng lực đặc thù:**

- + Học sinh nhận biết được các lĩnh vực chủ yếu của KHTN.
- + Hiểu được các phép đo, các thể của chất, vật liệu, nhiên liệu...
- + Vai trò của oxygen với con người và sinh vật.
- + Hiểu được cấu tạo phù hợp với chức năng, giúp cơ thể sinh vật thích nghi với môi trường sống.
- + Biết vận dụng kiến thức vào thực tế đời sống.
- + Biết bảo vệ môi trường, bảo vệ sinh vật và vai trò của sinh vật với đời sống con người.

**b. Năng lực chung:**

- + *Tự học*: Xác định nhiệm vụ học tập, tìm kiếm thông tin trả lời các câu hỏi
- + *Giải quyết vấn đề*: Phân tích và giải quyết được tình huống giáo viên đưa ra trong đề kiểm tra.

**2. Phẩm chất**

- *Trách nhiệm*: Có trách nhiệm hoàn thành bài kiểm tra theo yêu cầu.
- *Chăm chỉ*: Tích cực thực hiện trả lời câu hỏi.
- *Trung thực*: Trung thực trong việc làm đề kiểm tra.

**II. Hình thức kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm****III. Công cụ đánh giá: Câu hỏi****IV. Ma trận đề kiểm tra**

| Chủ đề                                                                       | Mức Độ      |           |              |            |          |           |              |            | Tổng số câu |    | Tổng điểm |
|------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------|--------------|------------|----------|-----------|--------------|------------|-------------|----|-----------|
|                                                                              | Nhận biết   |           | Thông hiểu   |            | Vận dụng |           | Vận dụng cao |            |             |    |           |
|                                                                              | TN          | TL        | TN           | TL         | TN       | TL        | TN           | TL         | TN          | TL |           |
| <b>MỞ ĐẦU</b><br>(7 Tiết)                                                    | 3<br>0,75đ  | 4<br>1,0đ | 1<br>0,25đ   |            |          |           |              |            | 4           | 4  | 2,0       |
| <b>Chủ đề 1:</b><br><b>CÁC PHÉP ĐO</b><br>(10 Tiết)                          | 1<br>0,25đ  |           | 3<br>(0,75đ) |            |          | 8<br>2,0đ |              |            | 4           | 8  | 3,0       |
| <b>Chủ đề 2, 3: Các thể của chất.</b><br><b>Oxygen và không khí</b> (7 Tiết) | 5<br>(1,25) |           |              | 8<br>(2,0) |          |           |              |            | 5           | 8  | 3,25      |
| <b>Chủ đề 4: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu,</b>                   | 3<br>(0,75) |           |              |            |          |           |              | 4<br>(1,0) | 3           | 4  | 1,75      |

|                                                                                             |              |              |              |              |              |            |              |            |             |           |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|------------|--------------|------------|-------------|-----------|--|
| <b>lượng thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng</b><br><i>(9 tiết)</i> |              |              |              |              |              |            |              |            |             |           |  |
| <b>Số câu/ số ý</b>                                                                         | <b>12</b>    | <b>4</b>     | <b>4</b>     | <b>8</b>     |              | <b>8</b>   |              | <b>4</b>   | <b>16</b>   | <b>24</b> |  |
| <b>Điểm số</b>                                                                              | <b>3,0 đ</b> | <b>1,0 đ</b> | <b>1,0 đ</b> | <b>2,0 đ</b> |              | <b>2 đ</b> |              | <b>1 đ</b> | <b>10 đ</b> |           |  |
| <b>Tổng số điểm</b>                                                                         | <b>4,0 đ</b> |              | <b>3,0 đ</b> |              | <b>2,0 đ</b> |            | <b>1,0 đ</b> |            |             |           |  |

## V. Bảng đặc tả

| Nội dung                                                                                                                                                                                                                                           | Mức độ     | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mức độ nhận thức |            |          |              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------|----------|--------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                    |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Nhận biết        | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| MỞ ĐẦU (7 Tiết) (Từ bài 1 đến bài 3)                                                                                                                                                                                                               |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                  |            |          |              |
| <div>- Giới thiệu về Khoa học tự nhiên.</div> <div>- Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên.</div> <div>- Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo.</div> <div>- Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.</div> | Nhận biết  | <div>- Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.</div> <div>- Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống</div>                                                                                                                                                       | C1, C2, C3, C6   |            |          |              |
|                                                                                                                                                                                                                                                    | Thông hiểu | <div>- Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.</div> <div>- Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.</div> <div>- Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.</div>                           |                  | C4         |          |              |
|                                                                                                                                                                                                                                                    | Vận dụng   | <div>- Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (đo chiều dài, thể tích, ..</div> <div>- Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.</div> <div>- Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.</div> |                  |            |          |              |
| Chủ đề 1: (10 Tiết) CÁC PHÉP ĐO (Từ bài 4 đến bài 7)                                                                                                                                                                                               |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                  |            |          |              |

| Nội dung                                                                                                                     | Mức độ              | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mức độ nhận thức     |                    |                                 |              |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------------------|--------------|
|                                                                                                                              |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Nhận biết            | Thông hiểu         | Vận dụng                        | Vận dụng cao |
| <b>- Đo chiều dài.</b><br><b>- Đo khối lượng.</b><br><b>- Đo thời gian.</b><br><b>- Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ.</b> | <b>Nhận biết</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian.</li> <li>- Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian.</li> <li>- Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>C17, a,b, c,d</b> |                    |                                 |              |
|                                                                                                                              | <b>Thông hiểu</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ)</li> <li>- Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.</li> <li>- Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.</li> <li>- Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.</li> <li>- Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.</li> <li>- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.</li> </ul> |                      | <b>C5, C7, C8,</b> |                                 |              |
|                                                                                                                              | <b>Vận dụng</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa ra một số thao tác sai khi dùng thước (cân, đồng hồ) để đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.</li> <li>- Đề xuất được việc thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                      |                    | <b>C18, a,b, c,d, g,h, i,k,</b> |              |
|                                                                                                                              | <b>Vận dụng cao</b> | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                      |                    |                                 |              |

| Nội dung                                                                                                                                           | Mức độ            | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mức độ nhận thức              |                                                     |          |              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------|----------|--------------|
|                                                                                                                                                    |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Nhận biết                     | Thông hiểu                                          | Vận dụng | Vận dụng cao |
|                                                                                                                                                    |                   | ví dụ trong sách giáo khoa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                               |                                                     |          |              |
| <b>Chủ đề 2, 3: (8 Tiết) CÁC THỂ CỦA CHẤT, OXYGEN VÀ KHÔNG KHÍ</b><br>(từ bài 8 đến bài 10)                                                        |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                               |                                                     |          |              |
| - Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất.<br>- Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất.<br>- Oxygen.<br>- Không khí và bảo vệ môi trường không khí. | <b>Nhận biết</b>  | - Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh)<br>- Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta.<br>- Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên.<br>- Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo.<br>- Nêu được chất có trong các vật vô sinh.<br>- Nêu được chất có trong các vật hữu sinh.<br>- Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.<br>- Nêu được khái niệm về sự nóng chảy<br>- Nêu được khái niệm về sự sôi.<br>- Nêu được khái niệm về sự bay hơi.<br>- Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ.<br>- Nêu được khái niệm về sự đông đặc. | <b>C9, C10, C11, C12, C13</b> |                                                     |          |              |
|                                                                                                                                                    | <b>Thông hiểu</b> | - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh.<br>- Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.<br>- So sánh khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí.<br>- Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy.<br>- Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc.<br>- Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi.<br>- Trình bày được quá trình diễn ra sự                                                                                                                                                                                                                        |                               | <b>C19<br/>a1,a2,<br/>b1,b2<br/>c1,c2<br/>d1,d2</b> |          |              |

| Nội dung                                                                                                                                                               | Mức độ       | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mức độ nhận thức |            |          |              |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------|----------|--------------|
|                                                                                                                                                                        |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nhận biết        | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
|                                                                                                                                                                        |              | <p>ngưng tụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi.</li> <li>- Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).</li> <li>- Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.</li> <li>- Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).</li> <li>- Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.</li> <li>- Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.</li> </ul> |                  |            |          |              |
|                                                                                                                                                                        | Vận dụng     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được phương án tiến hành thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại.</li> <li>- Đề xuất được phương án tiến hành về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí.</li> <li>- Đề xuất được phương án tiến hành đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.</li> <li>- Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.</li> </ul>                      |                  |            |          |              |
|                                                                                                                                                                        | Vận dụng cao | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.</li> <li>- Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                  |            |          |              |
| <b>Chủ đề 4: (9 Tiết) MỘT SỐ VẬT LIỆU, NHIÊN LIỆU, NGUYÊN LIỆU, LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM THÔNG DỤNG; TÍNH CHẤT VÀ ỨNG DỤNG CỦA CHÚNG</b><br><i>(Từ bài 11 đến bài 12)</i> |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                  |            |          |              |
| - Một số vật liệu thông                                                                                                                                                | Nhận biết    | – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>C14, C15,</b> |            |          |              |

| Nội dung                                                                                                           | Mức độ              | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mức độ nhận thức |            |            |                                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------|------------|--------------------------------|
|                                                                                                                    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Nhận biết        | Thông hiểu | Vận dụng   | Vận dụng cao                   |
| <b>dụng.</b><br>- Nhiên liệu và an ninh năng lượng.<br>- Một số nguyên liệu.<br><br>- Một số lương thực thực phẩm. |                     | cao su, gốm, thủy tinh, ...<br>– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu...<br>– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ...<br>– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. | <b>C16</b>       |            |            |                                |
|                                                                                                                    | <b>Thông hiểu</b>   | – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm.                                                                                                                                                                                                                                |                  |            |            |                                |
|                                                                                                                    | <b>Vận dụng</b>     | - Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.                                                                                                                                                                                                                                                                    |                  |            |            |                                |
|                                                                                                                    | <b>Vận dụng cao</b> | - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng.                                                                                                                                                                                              |                  |            |            | <b>C20<br/>a1,a2<br/>b1,b2</b> |
| <b>Tổng</b>                                                                                                        |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>16</b>        | <b>12</b>  | <b>8</b>   | <b>4</b>                       |
| <b>Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức</b>                                                                               |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>40%</b>       | <b>30%</b> | <b>20%</b> | <b>10%</b>                     |
| <b>Tỉ lệ chung</b>                                                                                                 |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>70%</b>       |            | <b>30%</b> |                                |

**I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)**

*Em hãy chọn phương án trả lời đúng nhất và ghi vào bài làm. (Ví dụ: Câu 1: A)*

**Câu 1.** Xác định GHĐ và ĐCNN của cân ở hình bên?

- A. GHĐ 30kg và ĐCNN 1 kg.
- B. GHĐ 15kg và ĐCNN 1 kg.
- C. GHĐ 30kg và ĐCNN 0,1 kg.
- D. GHĐ 15kg và ĐCNN 0,1 kg.



**Câu 2.** Trong quá trình quang hợp cây xanh đã thải ra khí gì?

- A. Khí  $H_2$ .
- B. Khí  $N_2$ .
- C. Khí  $O_2$ .
- D. Khí  $CO_2$ .

**Câu 3.** Trên một thước học sinh có ghi các con số từ 0 đến 30cm. Từ vạch số 0 đến vạch số 1 được chia làm 5 khoảng bằng nhau. Vậy GHĐ và ĐCNN của thước là:

- A. GHĐ 30 cm; ĐCNN 1 cm.
- B. GHĐ 30cm; ĐCNN 2 mm.
- C. GHĐ 30cm; ĐCNN 2 cm.
- D. GHĐ 30cm; ĐCNN 1 mm.

**Câu 4.** Vật thể tự nhiên là:

- A. Ao, hồ, sông, suối.
- B. Biển, mương, kênh, bể nước.
- C. Đập nước, máng, đại dương, rạch.
- D. Hồ, thác, giếng, bể bơi.

**Câu 5.** Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

- A. Gạo.
- B. Gạo và rau xanh.
- C. Rau xanh.
- D. Thịt.

**Câu 6.** Dự báo thời tiết thuộc lĩnh vực nào của KHTN?

- A. Sinh học.
- B. Hóa học.
- C. Khoa học trái đất.
- D. Thiên văn học.

**Câu 7.** Trong phòng thí nghiệm thực hành, biển báo có đặc điểm: **Hình tròn, viền đỏ, nền trắng** là

- A. Biển báo cấm.
- B. Biển báo chỉ dẫn.
- C. Biển báo nguy hại do hoá chất gây ra.
- D. Biển báo khu vực nguy hiểm.

**Câu 8.** Nhiên liệu lỏng gồm các chất?

- A. Dầu, than đá, củi.
- B. Nén, cồn, xăng.
- C. Biogas, cồn, củi.
- D. Cồn, xăng, dầu.

**Câu 9.** Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo là

- A. vật thể nhân tạo đẹp hơn vật thể tự nhiên.
- B. vật thể tự nhiên làm từ các chất trong tự nhiên, vật thể nhân tạo làm từ các chất nhân tạo.
- C. vật thể nhân tạo do con người tạo ra.
- D. vật thể tự nhiên làm từ chất, còn vật thể nhân tạo làm từ vật liệu.

**Câu 10.** Vật nào sau đây gọi là vật sống?

A. Cây bút chì.

B. Cây chanh.

C. Than củi

D. Viên phấn.

**Câu 11.** Những thực phẩm được dùng để chế biến nước mắm là

A. Thịt.

B. Thực vật.

C. Đậu nành.

D. Cá biển, muối.

**Câu 12.** Dụng cụ nào trong các dụng cụ sau được sử dụng để đo chiều dài?

A. Thước kẻp.

B. Bút chì.

C. Compa.

D. Đồng hồ.

**Câu 13.** Hoạt động của ngành kinh tế nào ít gây ô nhiễm môi trường không khí nhất?

A. Du lịch.

B. Sản xuất nhiệt điện.

C. Giao thông vận tải.

D. Sản xuất phần mềm tin học.

**Câu 14.** Hoạt động nào trong các hoạt động sau đây là hoạt động nghiên cứu khoa học?

A. Tìm hiểu đặc điểm sinh học của các loài tôm.

B. Đánh đàn.

C. Cấy lúa.

D. Chơi bóng rổ.

**Câu 15.** Chất nào sau đây chiếm tỉ lệ thể tích lớn nhất trong không khí?

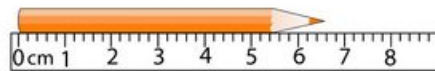
A. Oxygen.

B. Hydrogen.

C. Carbon dioxide.

D. Nitrogen.

**Câu 16.** Chiều dài của chiếc bút chì ở hình vẽ bằng:



A. 6,6 cm

B. 6,7 cm

C. 6,8 cm

D. 7,0 cm

## II. TỰ LUẬN (6,0đ)

**Câu 17:** (1 điểm) Khoa học tự nhiên bao gồm những lĩnh vực chính nào?

**Câu 18:** (2 điểm) Đổi các đơn vị sau:

a/ 2,2 km = ...?... m;

b/ 5 cm = ...?...m.

c/ 2 tạ = ...?...kg?;

d/ 250 g = ...?... kg.

g/ 4 h = ...?...phút.

h/ 15 s = ...?... phút.

i/ 67 °F = ...?...°C.

k/ 60 °C = ...?...°F.

**Câu 19:** (2 điểm) Em hãy chỉ ra đâu là chất, đâu là vật thể trong các câu sau:

a/ Ruột bút chì được làm từ than chì.

b/ Ly bằng thủy tinh dễ vỡ hơn ly bằng nhựa.

c/ Tre được dùng làm tăm, đũa, ống hút,....

d/ Xe đạp được làm từ nhựa, cao su, sắt, nhôm,....

**Câu 20:** (1 điểm) Tại sao phải sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững? Em hãy đề xuất biện pháp sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả.

\*\*\* HẾT \*\*\*

## HƯỚNG DẪN CHẤM

### I. TRẮC NGHIỆM (4,0đ). Mỗi câu đúng 0,25đ

| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|
| Đáp án | C | C | B | A | C | C | A | D | B | B  | D  | A  | D  | A  | D  | A  |

### II. TỰ LUẬN (6,0đ)

| Câu                          | Hướng dẫn chấm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Điểm                                                         |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| <b>17</b><br><b>(1 điểm)</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí học.</li> <li>- hóa học.</li> <li>- sinh học.</li> <li>- khoa học Trái Đất và thiên văn học.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                  | 0,25<br>0,25<br>0,25<br>0,25                                 |
| <b>18</b><br><b>(2 điểm)</b> | a/ $2,2 \text{ km} = 2200 \text{ m}$ ;<br>b/ $5 \text{ cm} = 0,05 \text{ m}$ .<br>c/ $2 \text{ tạ} = 200 \text{ kg}$ ?;<br>d/ $250 \text{ g} = 0,25 \text{ kg}$ .<br>g/ $4 \text{ h} = 240 \text{ phút}$ .<br>h/ $15 \text{ s} = 1/4 \text{ phút}$ .<br>i/ $67^\circ \text{F} = 20^\circ \text{C}$ .<br>k/ $60^\circ \text{C} = 140^\circ \text{F}$ .                                    | 0,25<br>0,25<br>0,25<br>0,25<br>0,25<br>0,25<br>0,25<br>0,25 |
| <b>19</b><br><b>(2 điểm)</b> | a/ Vật thể: Ruột bút chì;<br>Chất: than chì<br>b/ Vật thể: ly<br>Chất: thủy tinh, nhựa.<br>c/ Vật thể: tấm, đũa, ống hút,..<br>Chất: tre<br>d/ Vật thể: Xe đạp<br>Chất: nhựa, cao su, sắt, nhôm                                                                                                                                                                                          | 0,25<br>0,25<br>0,25<br>0,25<br>0,25<br>0,25<br>0,25         |
| <b>20</b><br><b>(1 điểm)</b> | * Phải sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững, vì:<br>- Nhiên liệu không phải là nguồn tài nguyên vô hạn.<br>- Để đảm bảo an toàn cho con người, tài sản.<br>* Để sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững cần:<br>- Cung cấp đủ khí oxygen cho quá trình cháy<br>- Hướng tới sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện môi trường như biogas, xăng E5 | 0,25<br>0,25<br>0,25<br>0,25                                 |